

TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Lê Thị Thu Hồng¹

Tóm tắt. Sự bùng nổ của quy mô đào tạo cũng như sự gia tăng nhanh chóng về số lượng các cơ sở giáo dục đại học công lập gây nhiều khó khăn cho nhà nước trong vấn đề quản lý và chu cấp tài chính. Cơ chế quản lý phi tập trung hóa, phân cấp mạnh, giao cho các cơ sở đào tạo quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm, được coi là yếu tố nền tảng cho sự phát triển bền vững của hệ thống giáo dục đại học. Việc giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các trường đại học công lập chính nhằm thúc đẩy sự phát triển hệ thống theo quy luật vận động của xã hội, tạo dựng thị trường giáo dục đào tạo có cạnh tranh lành mạnh, có sự định hướng rõ ràng của nhà nước và đảm bảo kiểm soát, giám sát về chất lượng một cách chặt chẽ từ ba phía: nhà nước, xã hội và người học. Song cơ chế đó khi vận hành cùng với hệ thống cơ chế, chính sách quản lý của nhà nước đã phát sinh nhiều khó khăn, thách thức cho các trường. Bài viết này đã đề cập vấn đề tự chủ, tự chịu trách nhiệm của giáo dục đại học hiện nay cần được xem xét trên hai phương diện cả về lý luận và thực tiễn nhằm đưa ra các giải pháp góp phần thực hiện đổi mới giáo dục đại học một cách hiệu quả.

Từ khóa: Tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đại học công lập, lý luận, thực tiễn.

1. Đặt vấn đề

Hệ thống giáo dục đại học (GDĐH) của các quốc gia được tổ chức theo những cách thức khác nhau, sao cho phù hợp với đặc điểm, thực trạng, mục tiêu chính sách GDĐH và nguồn lực dành cho GDĐH của từng nước. Như vậy, có thể hiểu “Hệ thống GDĐH là hệ thống các trường cho giáo dục sau phổ thông trung học bao gồm cả đại học, sau đại học và cao đẳng” [1].

Trường đại học công lập là một bộ phận của hệ thống GDĐH mang trong mình sứ mạng đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước và là nơi Nhà nước triển khai các chính sách đầu tư phát triển GDĐH thông qua việc cấp ngân sách. Vì vậy, trường đại học công lập có thể được hiểu như sau: “Trường đại học công lập là cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện chức năng đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ do Nhà nước đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động và là đại diện chủ sở hữu” [1].

Trường đại học công lập có các đặc điểm riêng khác biệt so với trường đại học nói chung như: (i) Bộ máy quản lý, điều hành các hoạt động của trường đại học công lập được tổ chức phù hợp với điều kiện cụ thể của từng trường, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật bao gồm: Hội đồng trường, Ban giám hiệu, Hội đồng khoa học và đào tạo, các Khoa, phòng chức năng, thư viện, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức phục vụ đào tạo khác, viện nghiên cứu chuyên ngành, cơ sở dịch vụ, doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh và đơn vị khác theo nhu cầu phát triển của trường đại học. (ii) Nguồn kinh phí của các trường đại học công lập có 3 nguồn chủ yếu: Nguồn kinh phí NSNN cấp, nguồn thu học phí, nguồn thu từ hoạt động dịch vụ, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Trong đó, học phí là một trong những nguồn tài chính quan trọng nhất của các trường đại học công lập. (iii) Chi phí cho việc cung cấp dịch vụ GDĐH được người học

Ngày nhận bài: 02/04/2023. Ngày nhận đăng: 27/05/2023.

¹Trường Đại học Mở - Địa chất

Tác giả liên hệ: Lê Thị Thu Hồng. Địa chỉ e-mail: lehong0903@gmail.com

trả thông qua học phí và một phần NSNN cấp thông qua đầu tư xây dựng cơ bản và chi thường xuyên. Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm là việc: “Chính phủ giao các trường đổi mới cơ chế hoạt động, các cơ sở GDĐH công lập được thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện trong các lĩnh vực sau: (i) Tự chủ về học thuật, được thể hiện trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; (ii) Tự chủ trong tổ chức bộ máy và nhân sự; (iii) Tự chủ về tài chính, trong đó nhấn mạnh vấn đề thu chi, chính sách học bổng và học phí đối với đối tượng chính sách hoạt động đầu tư, mua sắm. Khi các trường đại học công lập được tự chủ trong việc mở ngành đào tạo/chương trình liên kết đào tạo đã rút ngắn được thời gian mở ngành do giảm bớt được các thủ tục hành chính, thúc đẩy các trường chủ động trong đào tạo, tận dụng cơ hội mở ngành đào tạo để đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của xã hội. [3]

Chỉ tiêu tuyển sinh: Các trường đại học công lập đã được tự chủ xác định chỉ tiêu tuyển sinh, công khai chỉ tiêu chuyển sinh theo quy định của Luật Giáo dục đại học và theo các tiêu chí của Bộ GD&ĐT. Theo Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở GDĐH, trong đó, chỉ tiêu tuyển sinh căn cứ chủ yếu vào đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất của trường [14].

Tự chủ trong tổ chức bộ máy và nhân sự

Tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự là cơ sở để nhà trường tái cấu trúc lại bộ máy, nâng cao chất lượng nhân sự (đặc biệt là chất lượng đội ngũ giảng viên) trong mối tương quan với mục tiêu chiến lược, đồng thời giúp nhà trường thích ứng tốt hơn với những thay đổi của môi trường và tạo nền tảng phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai. Tự chủ về bộ máy, nhân sự thể hiện trên 3 giác độ: (i) Quyết định thành lập mới, sáp nhập, chia, tách, giải thể; quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của các tổ chức trực thuộc; (ii) Quyết định cơ cấu và số lượng người làm việc; tuyển dụng viên chức, nhân viên hợp đồng sau khi được Hội đồng trường thông qua; ký kết hợp đồng làm việc và hợp đồng lao động, quản lý, sử dụng và chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật; (iii) Giao kết hợp đồng lao động với giảng viên, nhà khoa học là người nước ngoài để bảo đảm nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu khoa học [9].

Tự chủ về tài chính

Nội dung cơ bản để thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các trường đại học công lập, bao gồm: Cơ chế tự chủ về nguồn thu, mức thu; cơ chế tự chủ về sử dụng nguồn tài chính; cơ chế tự chủ về sử dụng kết quả tài chính...Nhà nước giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính và tạo cơ sở pháp lý để các trường đại học công lập thực hiện quyền đó trong thực tiễn.

Các khoản thu của các trường bao gồm thu sự nghiệp, ngân sách cấp và thu dịch vụ. Các khoản chi bao gồm chi NSNN, chi sự nghiệp, chi từ dịch vụ và trích lập quỹ.

Hầu hết các trường tự chủ đều đã đảm bảo được toàn bộ chi hoạt động thường xuyên, thực hiện trách nhiệm xã hội đối với người học, miễn giảm học phí cho các đối tượng chính sách, trích lập quỹ học bổng khuyến khích theo quy định và đều có chênh lệch thu lớn chi. Các trường đã trích lập quỹ đầu tư phát triển sự nghiệp, quỹ khen thưởng, phúc lợi, ổn định thu nhập. Thu nhập của người lao động đã tăng lên rõ rệt so với thu nhập bình quân giai đoạn trước.

2. Thực tiễn tình hình tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học công lập ở Việt Nam

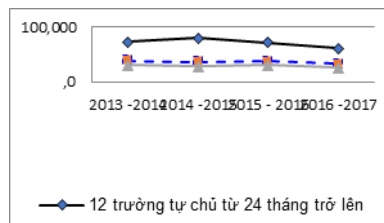
2.1. Kết quả triển khai về tự chủ học thuật và hoạt động chuyên môn

Công tác tuyển sinh

Qui mô tuyển sinh của các trường trong giai đoạn 2014-2017 có xu hướng giảm xuống sau khi tự chủ nhưng từ khi Luật số 34 ban hành, quy định về xác định chỉ tiêu tương đối ổn định. Cơ sở GDĐH được tự chủ xác định chỉ tiêu tuyển sinh; công bố công khai chỉ tiêu tuyển sinh, chất lượng đào tạo và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, tỷ lệ có việc làm của sinh viên tốt nghiệp; bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã công bố.

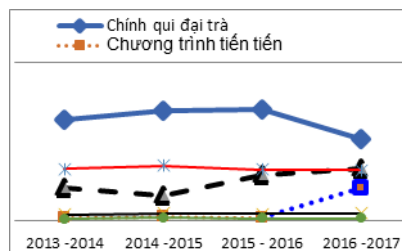
Các trường chủ động điều chỉnh các chương trình đào tạo; chỉ tiêu tuyển sinh để đáp ứng nhu cầu của người học. Đồng thời, các trường cập nhật, điều chỉnh các ngành mới để đáp ứng nhu cầu xã hội, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Cụ thể như sau:

Giai đoạn 2014-2017 có tới 5 trường tự chủ giảm quy mô sinh viên so với giai đoạn trước tự chủ, trong đó giảm nhiều nhất là trường ĐH Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, trường ĐH Kinh tế quốc dân, trường ĐH Tài chính Marketing và Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Các trường tăng nhiều về quy mô tuyển sinh là trường ĐH Tôn Đức Thắng, trường ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh, trường ĐH Công nghiệp Tp Hồ Chí Minh và trường ĐH Công nghiệp thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh. Một số nguyên nhân của sự suy giảm này là: (i) Thay đổi nhu cầu lao động xã hội và thay đổi nhận thức của người dân; (ii) Số lượng các trường đại học tăng lên, việc “đỗ đại học” không còn quá danh giá và việc sở hữu một tấm bằng đại học cũng không thể thay thế cho kiến thức và kinh nghiệm làm việc; (iii) Học phí của các trường tự chủ thường cao hơn so với mặt bằng chung khiến người học cân nhắc nhiều hơn khi chọn trường và (iv) quy mô sinh viên chính quy của các trường đại học bị giới hạn ở 15.000 sinh viên theo qui định lại Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT.



Hình 1. Quy mô tuyển sinh của các trường
 Nguồn: Báo cáo hội nghị tổng kết thí điểm 2017

Trong bối cảnh tình hình tuyển sinh có nhiều biến động, nhiều trường tự chủ đã nhanh chóng thích ứng, thay đổi một số định hướng đào tạo ở các hệ khác nhau. Quy mô các chương trình tiên tiến, chất lượng cao tăng nhanh, đặc biệt từ năm 2015. Các trường tăng nhiều chỉ tiêu đào tạo chương trình tiên tiến, chất lượng cao là trường ĐH Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, trường ĐH Kinh tế Quốc dân, trường ĐH Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, trường ĐH Ngoại Thương v.v.



Hình 2. Quy mô sinh viên theo các hệ đào tạo 2013-2017
 Nguồn: Báo cáo hội nghị tổng kết thí điểm 2017

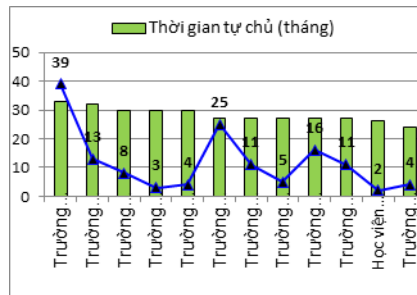
Tỷ lệ tuyển sinh trình độ tiến sĩ có phần suy giảm do yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra cao hơn tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT

Như vậy, có thể thấy tự chủ đại học tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh; thúc đẩy các trường đầu tư vào các điều kiện bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo (cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, tỷ lệ sinh viên có việc làm. . .) để cạnh tranh trong tuyển sinh, thu hút được sinh viên giỏi; thúc đẩy các trường ngày càng đi vào thực chất hơn với chất lượng đào tạo, phát triển bền vững. Số liệu thống kê cho thấy, quy mô tuyển sinh hệ đại trà có xu hướng giảm và thay vào đó là tăng quy mô tuyển sinh các chương trình đào tạo tiên tiến, đào tạo chất lượng cao, liên kết đào tạo với nước ngoài và đào tạo bằng tiếng Anh.

Mở ngành đào tạo và liên kết đào tạo với nước ngoài

Thủ tục hành chính được giảm bớt, thời gian mở ngành nhanh chóng hơn giúp các trường chủ động trong đào tạo, tận dụng cơ hội mở ngành đào tạo để đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của xã hội. Bản thân các trường cũng ý thức hơn về trách nhiệm trong việc mở ngành.

Số liệu thống kê và báo cáo của các trường cũng cho bức tranh tươi sáng về mở ngành và chương trình đào tạo kể từ khi tự chủ. Số ngành/chương trình đào tạo mới (bao gồm cả mở các ngành, chương trình đào tạo tiên tiến, chất lượng cao và chương trình liên kết quốc tế) được mở ở nhiều bậc học (đại học, cao học và tiến sĩ), tùy thuộc vào năng lực và định hướng phát triển của nhà trường.



Hình 3. Mở ngành đào tạo và phát triển chương trình mới của các trường sau tự chủ
 Nguồn: Báo cáo hội nghị tổng kết thí điểm 2017

Đẩy mạnh việc cạnh tranh trong tuyển sinh, các trường đã chủ động dừng tuyển sinh một số ngành đào tạo không còn đáp ứng nhu cầu của xã hội và chủ động thay thế bằng các ngành đào tạo mới phù hợp và cần thiết hơn trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện tại và xu hướng trong tương lai gần. Trường ĐH Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh là trường mở nhiều ngành/chương trình liên kết đào tạo sau tự chủ với 39 ngành (bao gồm cả các chương trình tiên tiến, chất lượng cao), trường ĐH Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh đã bổ sung được 25 chương trình/ngành đào tạo, trường ĐH Công nghiệp thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh có thêm 16 chương trình/ngành đào tạo; trường ĐH Tôn Đức Thắng mở được 13 và trường Đại học Ngoại thương mở được 11 ngành/chương trình đào tạo trong đó có 5 chương trình hợp tác quốc tế. Việc mở mới các ngành ở các trường được xem là cách thức nhà trường đáp ứng nhu cầu xã hội trong quá trình đào tạo.

Số lượng ngành đào tạo do các cơ sở GDDH tự chủ mở tăng lên đáng kể (tăng 1,5 lần so sánh 2016 và 2021) trong khi số lượng ngành đào tạo do Bộ GD&ĐT phê duyệt ngày càng giảm mạnh (giảm hơn 3 lần so sánh 2016 và 2021)

Một trong những phương thức tăng cường quốc tế hóa GDDH mà Bộ GD&ĐT đề ra là đẩy mạnh hợp tác với các cơ sở GDDH quốc tế có uy tín thông qua việc thực hiện các chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học trên thế giới, chương trình đào tạo tiên tiến. Trường mở mới nhiều chương trình liên kết quốc tế là trường ĐH Tôn Đức Thắng (8 chương trình) và trường ĐH Ngoại thương (5 chương trình); một số trường tăng cường đào tạo các chương trình đào tạo chất lượng cao như trường ĐH Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh, trường ĐH Kinh tế quốc dân, trường ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh. Xét về tổng thể, các trường đại học thí điểm tự chủ đã chủ động và có thể mạnh về các chương trình liên kết nước ngoài. Tỷ lệ chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài của các trường ĐH tự chủ trong tổng số chương trình liên kết nước ngoài được Bộ GD&ĐT phê duyệt hàng năm tăng từ 50% năm 2014 lên mức 56% năm 2016, trong khi tỷ lệ trung bình của giai đoạn 2014-2016 là 55%. Tính đến tháng 12/2021, cả nước có 408 chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài đang hoạt động. Trong đó, các trường tự chủ (ĐHQG, ĐH vùng, thí điểm tự chủ theo Nghị quyết số 77/NQ-CP, theo Luật số 34) phê duyệt tổng cộng 186 chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, 124 chương trình ở trình độ đại học; 58 chương trình ở trình độ thạc sĩ và 04 chương trình ở trình độ tiến sĩ. 408 chương trình phân loại theo quốc gia chủ yếu vẫn là các chương trình liên kết đào tạo với các cơ sở GDDH tại Vương quốc Anh (101 chương trình), Hoa Kỳ (59 chương trình), Cộng hòa Pháp (53 chương trình), Australia (37 chương trình) và Hàn Quốc (27 chương trình); các nước có nền GDDH phát

triển và các cơ sở GDĐH uy tín, xếp thứ hạng cao trên thế giới như New Zealand (16 chương trình), CHLB Đức (10 chương trình) và Vương quốc Bỉ (10 chương trình). Phân loại các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo nhóm ngành đào tạo, tỷ lệ các chương trình đào tạo trong nhóm ngành kinh tế và quản lý vẫn chiếm đa số với 64% (trong đó có 85/408 chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh). Các chương trình đào tạo các ngành trong nhóm ngành khoa học và công nghệ chiếm 25%; trong nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn chiếm 8% và các ngành khác (như Y khoa, Dược, Luật) chỉ chiếm 3%

Tuy nhiên, hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đang có một số hạn chế như sau:

Thứ nhất, hạn chế trong việc lựa chọn cơ sở GDĐH đối tác nước ngoài; có 62,71% cơ sở GDĐH đối tác nước ngoài không được xếp hạng hoặc nằm ngoài danh sách 1.000 trường đại học trên thế giới (theo QS Ranking và THE năm 2021); 6,21% cơ sở xếp hạng 1.000+; 9,04% số cơ sở xếp hạng 501-1.000; 9,04% số cơ sở xếp hạng 301-500; 9,6% số cơ sở xếp hạng 100-299 (17 cơ sở).

Thứ hai, hạn chế trong chất lượng tuyển sinh đầu vào (năng lực ngoại ngữ; kết quả học bạ và thi THPT tương đối thấp).

Thứ ba, hạn chế về tác động lan tỏa: Hệ thống GDĐH của Việt Nam không thu được những tác động tích cực từ các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, cụ thể các chương trình liên kết đào tạo không lan tỏa được chất lượng đào tạo cho các chương trình trong nước, không nâng cao được năng lực chuyên môn và ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên. Thực tế này đã làm mất đi ý nghĩa và sứ mệnh của các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, không được như các chương trình đào tạo tiên tiến trong giai đoạn 2008-2015[8]

Bên cạnh việc mở ngành đào tạo mới, phát triển các chương trình liên kết đào tạo trong và ngoài nước, các trường cũng tích cực thay đổi nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy tiên tiến, tiếp cận với chuẩn đào tạo và chương trình đào tạo quốc tế, chủ động tăng cường công tác đảm bảo chất lượng và thực hiện hoặc đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục. Một số trường như ĐH Kinh tế TP HCM, ĐH Tôn Đức Thắng... đã tiến hành kiểm định chất lượng giáo dục và chương trình đào tạo bởi tổ chức quốc tế.

2.2. Kết quả triển khai tự chủ trong tổ chức bộ máy và nhân sự

Hội đồng trường

Đến nay, cả nước có 154/170 cơ sở GDĐH công lập đã thành lập HĐT theo Luật số 34 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP (đạt tỷ lệ 90,6%); trong đó, có 36/36 cơ sở GDĐH công lập trực thuộc Bộ GDĐT đã thành lập HĐT. Việc thành lập HĐT tại các trường trực thuộc các bộ, ngành, địa phương đạt tỷ lệ 91,18%; trong đó, 15 cơ sở GDĐH công lập thuộc các bộ, ngành, địa phương đang xây dựng và trình cấp có thẩm quyền công nhận HĐT (nguyên nhân chậm thành lập HĐT là do một số đơn vị còn khó khăn về nhân sự, thiếu người đủ tiêu chuẩn làm Chủ tịch HĐT, chưa đồng thuận trong tập thể lãnh đạo, đảng ủy nhiệm kỳ mới chưa được bầu; cơ quan quản lý trực tiếp chưa phê duyệt).

Nâng cấp, thành lập mới, sáp nhập, chia, tách và giải thể các đơn vị trực thuộc trường

Các trường đã bước đầu tổ chức lại bộ máy theo hướng hiệu quả hơn (thành lập mới một số đơn vị nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế, sáp nhập, giải thể, đổi tên các đơn vị không còn phù hợp với cơ chế tự chủ), thu hút đội ngũ giảng viên, chuyên gia giỏi tham gia giảng dạy và NCKH, nâng cao chất lượng đào tạo. Theo số liệu báo cáo, 6 trường có số đơn vị tăng lên và có 2 trường có số đơn vị trực thuộc giảm đi. Các trường có nhiều sự thay đổi nhất trong tổ chức bộ máy là trường ĐH Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh (+8), trường ĐH Tôn Đức Thắng (+8), Học viện Nông nghiệp Việt Nam (+3). Các con số trên cho thấy sự thay đổi về số lượng đơn vị ở các trường tự chủ. Tuy vậy sự thay đổi đó cũng chưa thực sự rõ nét bởi không dễ xóa đi một đơn vị nào đó. Các trường rất thận trọng khi thành lập thêm đơn vị mới.

Lý do cơ bản của việc gia tăng số đơn vị trực thuộc là yêu cầu thành lập mới một số đơn vị, phòng ban (ví dụ trường ĐH Đại học Kinh tế quốc dân, ĐH Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh thành lập mới phòng Truyền thông) hay nâng cấp các đơn vị để phù hợp với xu hướng phát triển của đào tạo đại học và đáp ứng yêu cầu tự chủ. Việc nâng cấp/đổi tên một số đơn vị như khoa, trung tâm giúp các đơn vị này tự chủ hơn trong các

hoạt động, đặc biệt là các hoạt động kết nối, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp bên ngoài trường. Ở chiều ngược lại, số lượng đơn vị giải thể theo hướng tinh giản, gọn nhẹ chưa nhiều. Trên thực tế việc giảm đơn vị cần nhiều thời gian và khó hơn nhiều so với thành lập mới bởi liên quan tới sắp xếp nhân sự và việc làm. Đây là cũng một thách thức lớn đối với các trường trong vấn đề tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự.

Nhân sự

Cơ cấu nguồn nhân lực theo nhóm đối tượng: Từ thời điểm được giao thí điểm tự chủ, các trường đã từng bước hình thành cơ cấu nhân lực phù hợp với lực lượng lao động trực tiếp (giảng viên) tăng lên trong khi đội ngũ lao động gián tiếp (chuyên viên và nhân viên) giảm xuống. Trong đó, các trường chú trọng hơn đến việc sử dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số hoặc thuê dịch vụ bên ngoài nhằm tăng hiệu quả hoạt động của bộ máy. Bộ GDĐT thống kê đến hết năm 2021, cơ cấu nhân lực tại các trường như sau: Tỷ lệ giảng viên trên tổng số cán bộ, giảng viên và người lao động của trường chiếm 71%, lớn nhất trong cơ cấu nhân lực của nhà trường, hơn gấp đôi số cán bộ quản lý và chuyên viên hành chính.

Bên cạnh đó, các trường đẩy mạnh phát triển đội ngũ có trình độ, chuyên môn cao, đặc biệt ưu tiên tuyển dụng giảng viên có trình độ tiến sĩ, đào tạo bồi dưỡng giảng viên theo học các chương trình tại các cơ sở giáo dục đại học uy tín trên thế giới. Trong thời gian gần đây, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ tại các cơ sở GDĐH ngày một tăng thêm (tăng từ 25% năm 2018 lên trên 31% năm 2021). Nhà nước cũng luôn hỗ trợ việc nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở GDĐH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo thông qua các Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong thời gian qua như: Đề án 322, 599, 911 và hiện tại là Đề án 89. Tỷ lệ giảng viên có chức danh giáo sư và phó giáo sư cũng tăng dần đều hằng năm (tỷ lệ giáo sư tăng thêm 0,5%/năm; phó giáo sư tăng thêm 5-6%/năm). Tỷ lệ trợ giảng có trình độ đại học giảm mạnh (giảm trên 50% từ 2016 đến 2021), điều này cho thấy các trường đã ý thức được việc nâng cao chất lượng giảng viên và thực hiện chuẩn hóa trình độ đội ngũ giảng viên theo quy định của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học.

2.3. Đánh giá chung về tình hình tự chủ, tự chịu trách nhiệm các trường đại học công lập ở Việt Nam

2.3.1. Những kết quả đạt được

Các trường khi được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính đã chủ động sử dụng kinh phí NSNN giao hiệu quả hơn để thực hiện nhiệm vụ; đồng thời chủ động sử dụng tài sản, nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo điều kiện tăng nguồn thu.

Hàng năm trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, tự qui định mức chi cho hoạt động thường xuyên và các khoản chi khác, để tăng cường công tác quản lý trong nội bộ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển hoạt động sự nghiệp, khai thác nguồn thu, tăng thu, tiết kiệm chi, do vậy đã tiết kiệm chi thường xuyên góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sự nghiệp. Kết quả thu sự nghiệp đều tăng, tỷ lệ tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên đạt từ 70-80%.

Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, đơn vị đã đổi mới phương thức hoạt động, tiết kiệm chi, thu nhập đã từng bước được nâng cao. Nguồn thu sự nghiệp, cùng với nguồn kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên, đã góp phần bảo đảm bù đắp nhu cầu tiền lương tăng thêm cho cán bộ, giảng viên, nhân viên.

Các trường từng bước đã được tự chủ huy động vốn để đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, đổi mới trang thiết bị, tạo điều kiện mở rộng các hoạt động sự nghiệp và các hoạt động dịch vụ trong đơn vị.

Được hưởng các ưu đãi về chế độ chính sách: Các hoạt động dịch vụ được miễn giảm thuế theo quy định của pháp luật. Các trường đại học được huy động vốn và vay tín dụng để tổ chức hoạt động dịch vụ. Số tiền trích khấu hao tài sản cố định thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước của các trường đại học sử dụng vào việc hoạt động dịch vụ được để lại đơn vị để tái đầu tư phát triển.

Tự chủ về các khoản thu, mức thu theo quy định của nhà nước: Trường đại học được thu phí, lệ phí theo mức thu và đối tượng thu do cơ quan có thẩm quyền quy định. Đối với các khoản thu nhà nước quy định

khung mức thu, các trường căn cứ nhu cầu chi phục vụ cho hoạt động, khả năng đóng góp của xã hội để quyết định mức thu cụ thể cho từng hoạt động từng đối tượng, nhưng không được vượt quá khung mức thu do cơ quan có thẩm quyền quy định. Đối với dịch vụ được cơ quan nhà nước đặt hàng thì mức thu theo giá do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước quy định, hoặc được xác định trên cơ sở dự toán chi phí được cơ quan tài chính cung cấp thẩm định chấp thuận. Đối với những hoạt động dịch vụ liên kết trong và ngoài nước, trường được quyết định các khoản thu, mức thu cụ thể theo nguyên tắc bảo đảm đủ bù đắp chi phí và có tích lũy.

Tự chủ về sử dụng nguồn kinh phí ở một số khoản chi và phương thức chi: Trường đại học căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng tài chính, đối với các khoản chi thường xuyên quy định, Hiệu trưởng các trường được quyết định một số mức chi quản lý, chi hoạt động nghiệp vụ cao hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định; được quyết định phương thức khoán chi phí cho từng bộ phận, đơn vị trực thuộc; được quyết định đầu tư xây dựng, mua sắm mới và sửa chữa lớn tài sản theo quy định hiện hành.

Tự chủ về chi trả tiền lương, tiền công và thu nhập: Ngoài việc đảm bảo tiền lương theo lương cấp bậc chức vụ do nhà nước quy định, các trường đại học được thực hiện việc chi trả thu nhập cho người lao động trong trường theo nguyên tắc người nào có hiệu suất công tác cao, đóng góp nhiều cho việc tăng thu, tiết kiệm chi được trả nhiều hơn. Hiệu trưởng chi trả thu nhập theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Tự chủ sử dụng kết quả hoạt động tài chính: Căn cứ vào kết quả hoạt động tài chính trong năm, trường đại học được sử dụng theo quy định:

+ Trích tối thiểu 25% để lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

+ Trả thu nhập tăng thêm cho người lao động, sau khi đã thực hiện trích lập tối thiểu 25% cho quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Hiệu trưởng được quyền quyết định tổng thu nhập tăng thêm nhưng không quá 02 lần quỹ lương cấp bậc, chức vụ trong năm do nhà nước quy định theo quy chế chi tiêu nội bộ của trường;

+ Trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi. Mức trích tối đa 2 quỹ này không quá 3 tháng tiền lương, tiền công và thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện trong năm;

+ Trích lập quỹ dự phòng bình ổn thu nhập để đảm bảo thu nhập cho người lao động.

Hiệu trưởng được quyền quyết định mức trả thu nhập tăng thêm, trích lập các quỹ theo quy chế chi tiêu nội bộ của trường.

Tự chủ sử dụng các quỹ: Hiệu trưởng trường đại học được quyền quyết định việc sử dụng các quỹ theo quy chế chi tiêu nội bộ của trường. Đặc biệt, việc sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp được mở rộng, các trường đại học được góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tổ chức các hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và khả năng của trường theo quy định của pháp luật.

2.3.2. Hạn chế

Về nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp: Về lý thuyết, định mức này cũng không thể tăng vô hạn do ngân sách nhà nước chủ yếu dựa vào khả năng đóng góp gián tiếp của người dân thông qua nộp thuế. Thêm vào đó là sự trượt giá làm cho chi phí thực tế cho đào tạo một sinh viên hàng năm có xu hướng đi xuống, nếu không có sự điều chỉnh kịp thời của Chính phủ nguồn vốn này sẽ giảm sút về giá trị tương đối. Bài toán đặt ra cho các trường nhất là các trường sử dụng chủ yếu bằng ngân sách nhà nước là đảm bảo sự cân đối giữa nhu cầu và khả năng tài chính cho hoạt động ổn định của trường.

Về nguồn thu học phí: Những nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu học phí cũng bị giới hạn trên về khả năng đóng góp trực tiếp của người dân. Chính phủ có thể có chính sách điều chỉnh các định mức thu nhưng không thể là vô hạn. Đặc biệt đối với các trường đại học ở địa bàn miền núi, khó khăn như: Tây Bắc, Tây nguyên, Tây Nam Bộ... thách thức lớn ở đây là khó có thể huy động được sự đóng góp của cộng đồng để tăng nguồn thu cho trường, mặc dù Chính phủ tạo cơ chế được khai thác các nguồn tài chính trong

xã hội để nâng cao chất lượng đào tạo đại học.

Về các nguồn thu khác: Đối với các nguồn thu từ hợp đồng nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất kinh doanh, liên doanh, liên kết trong và ngoài nước... Chính phủ đã tạo cơ chế thông thoáng nhưng trong thực tế các trường đại học khó huy động được nguồn thu từ các hoạt động này, do còn có những đề tài nghiên cứu khoa học chưa xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn, kết quả nghiên cứu của các đề tài đó chỉ để “nghiên cứu”. Mặt khác, kinh phí nhà nước đầu tư cho nghiên cứu khoa học hàng năm còn thấp và cơ chế chính sách đầu tư chưa thực sự hiệu quả, nên khó khăn đặt ra cho các trường đại học là phải khai thác được các đề tài nghiên cứu khoa học từ nguồn tài trợ, hay theo đơn đặt hàng từ các doanh nghiệp để có thêm nguồn thu.

Nguồn thu từ hoạt động liên doanh, liên kết trong và ngoài nước của các trường đại học không phải trường nào cũng có thể khai thác được. Các trường đại học có tiềm lực lớn về đội ngũ các nhà khoa học, về cơ sở vật chất... nguồn thu từ hoạt động này đóng góp một phần đáng kể cho ngân sách của nhà trường. Trong khi đó các trường đại học quy mô nhỏ, đội ngũ cán bộ giảng viên còn mỏng, chưa có các thể mạnh khoa học mũi nhọn khó có thể có được nguồn thu từ hợp tác trong và ngoài nước.

2.3.3. Nguyên nhân

Nguyên nhân khách quan

Điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước còn nhiều khó khăn, khả năng chi trả của người dân còn hạn chế. Mức học phí đối với các cấp học và trình độ đào tạo mặc dù đã được điều chỉnh nhưng vẫn còn thấp, đòi hỏi cần được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế. Tuy nhiên việc tăng học phí sẽ tạo áp lực rất lớn từ xã hội, ảnh hưởng trực tiếp tới thu nhập và chi tiêu của hộ gia đình;

Ngân sách nhà nước cấp cho các trường chi cho giáo dục đào tạo quá thấp (gần 10%) trong tổng chi hàng năm của trường, trong khi đó qui mô học sinh lớn, lương tối thiểu được điều chỉnh tăng hàng năm không đảm bảo cơ cấu chi cho lương và các khoản có tính chất lương cho hoạt động giảng dạy học tập nên ảnh hưởng nhiều tới chất lượng đào tạo; Mặc dù các văn bản quy phạm pháp luật quy định quyền tự chủ tài chính, song còn thiếu cơ chế khuyến khích tạo nguồn thu, thực hiện tiết kiệm chi tiêu. Các khoản thu từ liên kết đào tạo, đào tạo liên thông, đào tạo vừa làm vừa học... giảm mạnh trong vài năm gần đây, các khoản thu ngoài học phí ít và còn thấp, không đảm bảo cân đối thu, chi cho các hoạt động thường xuyên ảnh hưởng lớn tới các khoản thu của nhà trường; Chưa có quy định cụ thể việc huy động vốn và vay vốn của các tổ chức tín dụng, của tập thể và cá nhân người lao động cho các hoạt động dịch vụ công để khuyến khích nhà trường chủ động giải quyết việc thiếu phòng học, cơ sở vật chất... đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội; Thu nhập của người lao động chưa được cải thiện kịp thời so với nhiều ngành nghề khác trong xã hội ảnh hưởng lớn đến công tác “chiêu hiền đãi sĩ”, thu hút nhân tài về trường công tác; Học phí và lệ phí thu được đều phải nộp kho bạc nhà nước theo quy định hiện hành, mà không được gửi ngân hàng thương mại nên không được hưởng phần lãi suất, làm giảm nguồn thu đáng kể của nhà trường; Nguồn kinh phí hoạt động chi từ ngân sách nhà nước được tính theo định mức chi quản lý hành chính còn rất thấp, trong khi các khoản chi lương và có tính chất lương, các chi phí thường xuyên như điện, nước, xăng, dầu... đã tăng nhiều lần trong vài năm qua, do đó phần kinh phí giao tự chủ không đảm bảo được chi hoạt động thường xuyên. Trong thực tế nhiều hoạt động thường niên của trường buộc phải cắt giảm hoặc chi thấp hơn chế độ quy định vì không đủ nguồn chi; Theo pháp lệnh phí, lệ phí hiện nay, trường không được thu các khoản lệ phí nào ngoài lệ phí tuyển sinh đại học, cao đẳng. Nguồn thu từ lệ phí tuyển sinh đại học, cao đẳng hàng năm không đủ chi cho hoạt động phục vụ tuyển sinh đại học, cao đẳng, trường phải sử dụng các khoản thu khác để bù lỗ cho công tác này. Vì thế việc cải thiện điều kiện làm việc và tăng thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động ngày càng khó khăn hơn.

Nguyên nhân chủ quan

Tại các đơn vị đều chưa xây dựng tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao như khối lượng công việc hoàn thành trong năm, chất lượng công việc hoàn thành... nên việc chi trả thu nhập tăng thêm trong năm đều tính theo hệ số chức vụ cấp bậc công tác và bình bầu A,B,C...

Tự ban hành tỷ lệ trích chênh lệch thu chi vào Quỹ dự phòng tài chính; trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp không đúng; trích Quỹ dự phòng ổn định thu nhập, trợ cấp mất việc...

Nhiều khoản chi thường xuyên phát sinh nhưng chưa được qui định cụ thể trong qui chế chi tiêu nội bộ mà thực hiện theo quyết định của thủ trưởng đơn vị, dẫn tới hạn chế về tính công khai, dân chủ trong quá trình quản lý tài chính...

Một số đơn vị lập dự toán thu, chi NSNN vẫn mang theo tâm lý khi lập dự toán thu chưa phản ánh hết các nguồn thu, hoặc lập dự toán với số thu thấp hơn số thực thu năm trước, nội dung chi cao hơn để được tăng hỗ trợ từ NSNN, lập dự toán chi cao hơn số quyết toán các năm trước liền kề, nhưng không có thuyết minh và lý giải hợp lý nguyên nhân tăng

Việc nghiên cứu, xây dựng các văn bản quy định tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng hoạt động sự nghiệp của đơn vị khi được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm chưa được thực hiện, nên đã hạn chế việc chi trả thu nhập theo mức độ hoàn thành công việc; chi trả thu nhập ở một số đơn vị vẫn mang tính cào bằng hoặc bình quân

Về chính sách học phí: Với khung học phí như hiện nay, để tăng thu nhiều, đơn vị đã qui định các khoản thu thêm không có quy định của cấp có thẩm quyền. Khung thu học phí đào tạo không chính qui chưa bao quát hết các loại hình đào tạo, về học phí đào tạo các hệ không chính qui cần được nghiên cứu, sửa lại theo hướng: cụ thể hoá thêm các loại hình đào tạo, xác định lại khung học phí phù hợp, mức cụ thể do các đơn vị đào tạo tự quyết định.

Về chính sách lệ phí: Việc tuyển sinh hệ chính qui: các đơn vị thu đúng mức qui định, nhưng cũng không đủ chi nên đã sử dụng các nguồn thu sự nghiệp hoặc NSNN cấp để bù đắp chi; Việc tuyển sinh sau đại học: nhiều đơn vị đã thu lệ phí tuyển sinh cao hơn qui định, do số lượng thí sinh dự thi ít nên số thu được không đủ chi; Việc tuyển sinh các hệ không chính qui: hầu hết các đơn vị đều thu cao hơn qui định mới đủ chi do phải tuyển sinh nhiều đợt, số thí sinh tham dự thi ít... Từ bất cập đó, cần phải được nghiên cứu sửa đổi lại chính sách lệ phí theo hướng: bổ sung thêm qui định về mức thu lệ phí tuyển sinh các hệ đào tạo không chính qui, mức thu lệ phí của các hệ tuyển sinh nên qui định theo khung, mức cụ thể do các trường tự qui định cho phù hợp với tình hình thực tế theo nguyên tắc tự cân đối thu - chi.

3. Một số giải pháp nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các trường đại học công lập

3.1. Giải pháp về tài chính

Đối với những ngành nghề đào tạo ít có khả năng xã hội hóa, những ngành nghề khó tuyển sinh, trường sẽ xây dựng phương án theo hướng Nhà nước đặt hàng bằng việc cấp kinh phí trên cơ sở tính đủ chi phí đào tạo và có cơ chế sử dụng để đảm bảo hiệu quả đầu tư từ NSNN, tránh lãng phí.

Đối với những ngành nghề đào tạo có khả năng xã hội hóa cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội và người học sẽ giảm dần sự hỗ trợ của NSNN đồng thời trường tự xác định mức thu học phí, đa dạng hóa các nguồn thu, tiến tới tự đảm bảo bù đắp kinh phí đào tạo từ nguồn thu học phí, các nguồn thu về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các nguồn xã hội hoá khác. Đối với các hoạt động đào tạo cung cấp dịch vụ gắn với nhu cầu của xã hội, trường được quyết định thu giá dịch vụ trên cơ sở tính đủ các chi phí cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ tương xứng với chất lượng đào tạo; được tự quyết định chế độ chi trả tiền lương đối với giảng viên và cán bộ gắn với năng suất, chất lượng hiệu quả công việc; đồng thời trường chịu trách nhiệm trong việc đáp ứng các tiêu chí chất lượng đào tạo theo quy định và chịu trách nhiệm giải trình trước xã hội về chất lượng đào tạo và công khai minh bạch các khoản thu, chi tài chính.

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ cho đối tượng người có công, đối tượng chính sách, tạo điều kiện cho người học được tiếp cận, lựa chọn ngành nghề đào tạo chất lượng, phù hợp với nhu cầu học tập của bản thân.

3.2. Giải pháp về tổ chức bộ máy

Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ của trường, xây dựng bộ máy tổ chức, quản lý đáp ứng yêu cầu công việc, cơ cấu về vị trí việc làm đảm bảo gọn nhẹ và chuyên nghiệp.

Xây dựng và ban hành quy chế tuyển dụng, sử dụng cán bộ, giảng viên một cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu cán bộ, giảng viên của các ngành nghề đào tạo thuộc trường nhằm thu hút nhân tài. Đồng thời có chế độ, chính sách đãi ngộ tương xứng nhằm phát huy hết năng lực của các cá nhân, tập thể để thúc đẩy nhanh sự ổn định và phát triển của trường.

3.3. Giải pháp về đào tạo

Xây dựng đề án tuyển sinh hàng năm trên nguyên tắc đảm bảo cơ cấu chất lượng đầu vào phù hợp với từng hệ, ngành đào tạo, công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Việc mở ngành nghề mới, liên doanh, liên kết với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước hoặc đào tạo theo nhu cầu phù hợp với yêu cầu và năng lực của trường. Xây dựng chương trình đào tạo của các ngành nghề đào tạo một cách linh hoạt, có đánh giá và kiểm định chất lượng đáp ứng sự tương thích giữa các chương trình đào tạo của trường với các chương trình đào tạo của các trường lớn trong nước, trong khu vực và trên thế giới, tiến tới công nhận các chương trình đào tạo, kết quả học tập của nhau nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong quá trình trao đổi sinh viên, trao đổi giáo trình, học liệu và trao đổi giảng viên. Xây dựng các chương trình hợp tác khoa học và công nghệ, dự án tài trợ, viện trợ trong và ngoài nước nhằm huy động toàn bộ nguồn lực từ xã hội phục vụ các hoạt động đào tạo của nhà trường. Xây dựng các quy định, quy chế nhằm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của xã hội về việc thực hiện chuẩn đầu ra các ngành nghề đào tạo.

4. Kết luận

Vấn đề đổi mới cơ chế hoạt động tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học công lập đã tạo điều kiện hỗ trợ, thúc đẩy các trường phát triển một cách mạnh mẽ, trong đó việc tăng quyền tự chủ của Nhà trường trong các lĩnh vực tổ chức, nhân sự, tài chính, đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế là yếu tố then chốt, quan trọng nhất và được các trường đại học công lập tiếp thu, vận dụng triển khai có hiệu quả. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn có những khó khăn do văn bản hướng dẫn chưa đầy đủ. Trên thực tế, các trường đại học công lập đã có nhiều quyền hơn trong việc tổ chức, tuyển dụng, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, nhưng các khoản thu chủ yếu là học phí vẫn bị ràng buộc bởi khung do Nhà nước quy định, làm hạn chế đáng kể việc thu hút nhân tài, tái đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường tiềm lực nghiên cứu khoa học... là những yếu tố quan trọng nhất để hình thành nên một trường đại học tiên tiến, đào tạo nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Vì vậy, các giải pháp về tài chính, về tổ chức bộ máy và về đào tạo là những gợi ý quan trọng để các trường đại học công lập thực hiện đổi mới giáo dục hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Luật GDĐH số 34/2018/QH14 ban hành ngày 19 tháng 11 năm 2018.
- [2] Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.
- [3] Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.
- [4] Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.
- [5] Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.
- [6] Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí

đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- [7] Nghị quyết 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017.
- [8] Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030.
- [9] Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 hướng dẫn quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo.
- [10] Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.
- [11] Thông tư số 47/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 hướng dẫn hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục chuyên nghiệp công lập thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Nghị quyết 77/NQ-CP ngày 24/10/2014.
- [12] Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo để làm căn cứ xác định mức giá dịch vụ GDĐT.
- [13] Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.
- [14] Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở GDĐH.

ABSTRACT

Autonomy, accountability at public universities: Theoretical and practical issues

The explosion of the training scale as well as the rapid increase in the number of public higher education institutions cause many difficulties for the state in terms of management and financial support. Decentralized management mechanism, strong decentralization, giving training institutions autonomy and accountability, is considered as a fundamental element for the sustainable development of the higher education system. The assignment of autonomy and accountability to the main public universities in order to promote the development of the system according to the laws of social movement, to create a market of education and training with healthy competition, clear direction of the state and ensure strict quality control and supervision from three sides: state, society and learners. However, when that mechanism operates together with the system of management mechanisms and policies of the State, many difficulties and challenges have arisen for schools. This article has mentioned that the issue of autonomy and accountability of higher education today needs to be considered from both theoretical and practical aspects in order to offer solutions to contribute to the implementation of higher education innovation effectively.

Keywords: *Autonomy, accountability, public university, theory, practice.*